

Số: 62 /2005/QĐ-UB

Đồng Xoài, ngày 6 tháng 7 năm 2005.

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

V/v: “Ban hành Quy chế giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng”.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Pháp lệnh Dân quân tự vệ ngày 29/4/2004;
- Căn cứ Nghị định số 119/2004/NĐ-CP ngày 11/5/2004 của Chính phủ về công tác quốc phòng ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương;
- Căn cứ Nghị định số 184/2004/NĐ-CP ngày 02/11/2004 của Chính phủ về Quy định chi tiết việc thi hành Pháp lệnh DQTV;
- Căn cứ Quyết định số 38/2005/QĐ-BQP ngày 06/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc ban hành Quy chế giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng;
- Xét đề nghị của CHT BCH Quân sự tỉnh;

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1** : Ban hành Quy chế giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng.

**Điều 2**: Giao BCH Quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Quy chế này.

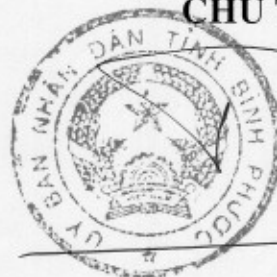
**Điều 3** : Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, CHT BCH Quân sự tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ./.

**Nơi nhận**

- BTL, QK7.
- TTTU, TT HĐND tỉnh.
- CT, PCT.
- Như Điều 3.
- LĐVP, CV: KNC.
- Lưu VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hương

Đồng Xoài, Ngày 6 tháng 7 năm 2005

## QUY CHẾ

**Giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết  
công tác quốc phòng, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 62/2005/QĐ-UB ngày 6 tháng 7 năm 2005  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

### CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh.**

Quy chế này quy định chế độ giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, dân quân tự vệ (DQTV), giáo dục quốc phòng (GDQP) ở tỉnh; huyện, thị; xã, phường, thị trấn.

#### **Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện.**

UBND các cấp chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện chế độ giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, DQTV, GDQP thuộc cấp mình quản lý.

Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự huyện, thị, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự xã, phường, thị trấn có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND cùng cấp duy trì thực hiện chế độ giao ban, báo cáo, kiểm tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, DQTV, GDQP hàng năm và từng thời kỳ theo đúng quy chế này.

### CHƯƠNG II CHẾ ĐỘ GIAO BAN

#### **Điều 3. Quy định chế độ giao ban.**

1. *Giao ban công tác quốc phòng, DQTV, GDQP được thực hiện ở tỉnh; huyện, thị; xã, phường, thị trấn.*

2. Việc tổ chức giao ban công tác quốc phòng, DQTV, GDQP do Chỉ huy trưởng Quân sự các cấp chủ trì.

3. Chế độ giao ban gồm:

a. Giao ban thường xuyên hàng tuần, hàng tháng, quý.

b. Giao ban đột xuất khi có yêu cầu nhiệm vụ đột xuất hoặc được bổ sung nhiệm vụ mới.

#### **Điều 4. Tổ chức giao ban ở các cấp.**

1. *Giao ban cấp tỉnh:*

a. Chỉ huy trưởng Quân sự tỉnh chủ trì mỗi quý một lần.

b. Thành phần: Chỉ huy trưởng Quân sự huyện, thị, Chỉ huy trưởng các cơ quan, tổ chức trực thuộc BCHQS tỉnh, Thủ trưởng phòng Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Kỹ thuật, Ban DQTV, các Ban thuộc Bộ CHQS tỉnh có liên quan, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, chỉ huy các đơn vị quân đội đứng chân trên địa bàn tỉnh và lãnh đạo các Sở, ban, ngành có liên quan.

c. Chỉ huy trưởng Quân sự tỉnh chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả giao ban quý, 6 tháng, năm để báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh và Bộ Tư lệnh Quân khu.

2. *Giao ban cấp huyện, thị:*

a. Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự huyện, thị chủ trì giao ban mỗi tháng một lần.

b. Thành phần: Xã đội trưởng, Chỉ huy trưởng các cơ quan, tổ chức trực thuộc BCHQS huyện, thị, Trưởng các Ban Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Kỹ thuật, một số trợ lý chủ chốt thuộc Ban CHQS huyện, thị, Đồn trưởng Biên phòng, Trạm trưởng, Tổ công tác của Bộ CHQS tỉnh, Chỉ huy các đơn vị Quân đội đứng chân trên địa bàn huyện, thị; và lãnh đạo các phòng có liên quan thuộc UBND các huyện, thị.

c. Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự huyện, thị chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả giao ban tháng, quý, 6 tháng, năm để báo cáo Chủ tịch UBND huyện, thị và Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh.

3. *Giao ban cấp xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã):*

a. Xã Đội trưởng chủ trì giao ban mỗi tuần một lần.

b. Thành phần: Thôn, Ấp Đội trưởng, Trung đội trưởng Dân quân cơ động, Tiểu đội trưởng Dân quân thường trực, Trung đội trưởng, Tiểu đội



trưởng Dân quân binh chủng thuộc Xã đội, đại diện các tổ, trạm, đồn Biên phòng và các đơn vị đứng chân trên địa bàn.

c. Xã đội trưởng chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả giao ban tuần, tháng, quý, 6 tháng, năm, để báo cáo Chủ tịch UBND xã, và Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự huyện, thị.

### **Điều 5. Nội dung giao ban**

#### *1. Nội dung giao ban chung*

a. Thông báo cập nhật tình hình liên quan đến công tác quốc phòng và công tác DQTV, GDQP.

b. Kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ công tác quốc phòng, DQTV, GDQP.

c. Chỉ đạo nội dung công tác trọng tâm theo các nhiệm vụ về công tác quốc phòng, DQTV, GDQP.

d. Giải quyết những vướng mắc và các ý kiến, kiến nghị về công tác quốc phòng, DQTV, GDQP trong giao ban.

#### *2. Nội dung giao ban của từng cấp.*

##### a. Nội dung giao ban cấp tỉnh, cấp huyện.

- Đánh giá kết quả việc tham mưu cho Cấp ủy, Chính quyền và kết quả thực hiện nhiệm vụ của tỉnh, huyện, thị về công tác quốc phòng, DQTV, GDQP của quý, tháng trước đó theo 7 nhiệm vụ của các địa phương quy định tại điều 5 Nghị định số: 119/2004/NĐ-CP ngày 11/05/2004 của Chính phủ.

- Chỉ đạo nội dung, nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của quý, tháng về công tác quốc phòng địa phương, DQTV, GDQP theo kế hoạch và sự chỉ đạo, hướng dẫn của người Chỉ huy, cơ quan Quân sự cấp trên.

##### b. Nội dung giao ban cấp xã.

- Đánh giá kết quả việc tham mưu cho Cấp ủy, Chính quyền xã và kết quả triển khai, thực hiện công tác quốc phòng, quân sự theo 9 chức năng nhiệm vụ của Xã đội quy định tại điều 11 Nghị định số: 184/2004/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ.

- Triển khai thực hiện các hoạt động của DQTV, thực hiện việc đăng ký quản lý và động viên quân dự bị, gọi công dân nhập ngũ; tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện, các công tác khác theo kế hoạch và chỉ đạo của cấp ủy, Chính quyền xã và Ban CHQS huyện, thị.

### **Điều 6. Phương pháp giao ban.**

### 1. Trước giao ban

a. Giao ban của các cấp: Cơ quan Quân sự địa phương các cấp phối hợp với các cơ quan cùng cấp có liên quan giúp người Chỉ huy cấp mình tổng hợp, chuẩn bị nội dung báo cáo trung tâm, chương trình, bảo đảm phục vụ hội nghị và triệu tập thành phần giao ban.

b. Các thành phần giao ban theo quy định của từng cấp chuẩn bị nội dung báo cáo tham luận.

### 2. Trong giao ban:

a. Cơ quan thường trực hoặc cơ quan Quân sự giúp việc thông báo tình hình kết quả công tác tính từ sau cuộc giao ban trước.

b. Người chủ trì giao ban nghe báo cáo tình hình của đơn vị, các ý kiến, kiến nghị đề đạt của các đơn vị thuộc quyền.

c. Người chủ trì kết luận và giải đáp các vướng mắc, kiến nghị của các đơn vị thuộc quyền.

### 3. Sau giao ban:

a. Cơ quan thường trực hoặc cơ quan Quân sự giúp việc, giúp người chủ trì giao ban ra văn bản thông báo kết luận (trừ giao ban cấp xã) gửi cho các thành phần giao ban theo quy định của từng cấp và báo cáo lên cấp trên.

b. Cơ quan thường trực hoặc cơ quan Quân sự giúp việc ở từng cấp theo dõi nắm kết quả tổ chức thực hiện của các đơn vị sau cuộc giao ban.

## **Điều 7. Thời gian và địa điểm giao ban**

### 1. Thời gian giao ban:

a. Thời gian giao ban của cấp tỉnh là ½ ngày.

- Giao ban hàng quý từ ngày 24 đến 29 của tháng cuối quý.

b. Thời gian giao ban cấp huyện, thị là ½ ngày.

- Giao ban hàng tháng từ ngày 20 đến 24 hàng tháng.

c. Thời gian giao ban cấp xã là ½ ngày.

- Được thực hiện vào 01 ngày trong tuần.

### 2. Địa điểm giao ban:

- Địa điểm giao ban tại cơ quan Quân sự các cấp.

### CHƯƠNG III

## CHẾ ĐỘ BÁO CÁO CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG, DQTV, GDQP

#### **Điều 8. Chế độ báo cáo.**

1. Báo cáo công tác quốc phòng, DQTV, GDQP phải đủ nội dung, đánh giá đúng tình hình kết quả công tác và đúng thời gian quy định.
2. Chủ tịch UBND các cấp có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan chức năng thực hiện chế độ báo cáo công tác quốc phòng, DQTV, GDQP.
3. Chế độ báo cáo gồm:
  - a. Chế độ báo cáo thường xuyên hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm.
  - b. Báo cáo đột xuất: Được thực hiện theo yêu cầu của Thủ trưởng đơn vị, người đứng đầu hoặc cơ quan Quân sự cấp trên khi có yêu cầu đột xuất về nhiệm vụ quốc phòng-an ninh để có giải pháp, biện pháp chỉ đạo xử lý kịp thời.
  - c. Báo cáo chuyên đề: Về một nhiệm vụ, một nội dung công tác được giao hoặc một nội dung mang tính chất chuyên ngành.

#### **Điều 9. Phân cấp báo cáo công tác quốc phòng, DQTV, GDQP**

1. Xã đội, Ban Chỉ huy Quân sự các cơ quan, tổ chức trực thuộc huyện đội báo cáo Huyện đội và Chủ tịch UBND xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức.
2. Ban CHQS huyện, thị, Ban Chỉ huy Quân sự các cơ quan, tổ chức trực thuộc BCHQS tỉnh có trách nhiệm báo cáo BCHQS tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thị, người đứng đầu cơ quan, tổ chức.
3. Bộ CHQS tỉnh báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Bộ Tư lệnh Quân khu và Bộ Quốc phòng (qua cơ quan Thường trực của Bộ Quốc phòng là Cục DQTV).

#### **Điều 10. Nội dung báo cáo**

1. Nội dung báo cáo ngày, báo cáo tuần chủ yếu nêu tình hình thực hiện nhiệm vụ trong ngày, trong tuần.
2. Nội dung báo cáo thường xuyên công tác quốc phòng, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng hàng tháng, quý, năm gồm:



a. Đặc điểm tình hình có liên quan đến công tác quốc phòng, quân sự (nêu khái quát).

b. Kết quả lãnh đạo, chỉ đạo.

- Tổ chức quán triệt các văn bản của Đảng, Nhà nước. Bộ Quốc phòng và cấp trên.

- Ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, kế hoạch, hướng dẫn.

c. Kết quả tổ chức thực hiện (có số liệu cụ thể) về:

- Công tác GDQP.

- Xây dựng khu vực phòng thủ, kết hợp xây dựng và phát triển kinh tế.

- Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương.

- Bảo đảm hậu cần tại chỗ, bảo đảm ngân sách quốc phòng cho công tác quốc phòng, quân sự các Sở, ban, ngành, cơ quan tổ chức, địa phương và chính sách hậu phương Quân đội.

- Thực hiện các chế độ giao ban, báo cáo, kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, quân sự.

d. Đánh giá chung về ưu, khuyết điểm và nguyên nhân trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện các mặt công tác quốc phòng, quân sự, DQTV, GDQP.

e. Phương hướng, nhiệm vụ tiếp theo.

f. Những ý kiến đề xuất, kiến nghị.

3. Nội dung báo cáo đột xuất công tác quốc phòng, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng gồm:

a. Tóm tắt diễn biến sự việc, sự kiện, mức độ, hậu quả sự việc, sự kiện và nguyên nhân.

b. Những biện pháp đã áp dụng xử lý kết quả, nội dung đã đạt được và các kiến nghị, đề xuất với cấp trên.

c. Báo cáo đột xuất phải được gửi đến cấp trên bằng phương tiện nhanh nhất.

### **Điều 11. Thời gian và phương pháp báo cáo.**

1. Thời gian báo cáo:

a. Báo cáo hàng ngày: từ 16 giờ ngày hôm trước đến 16 giờ ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ được gộp vào báo cáo ngày làm việc tiếp theo.

b. Báo cáo tuần: Từ thứ sáu tuần trước đến hết thứ 5 tuần sau.

c. Báo cáo tháng: Được thực hiện với tất cả các tháng 1, tháng 2, tháng 4, tháng 5, tháng 7, tháng 8, tháng 10, tháng 11. Tình hình các tháng 3, tháng 6, tháng 9 và tháng 12 được tổng hợp vào báo cáo quý, 6 tháng và năm.

Báo cáo tháng tính từ ngày 20 tháng trước đến 20 tháng sau và chậm nhất ngày 25 hàng tháng phải có báo cáo gửi lên cấp được nhận báo cáo.

d. Báo cáo quý: được thực hiện vào quý 1 và quý 3, quý 2 được tổng hợp vào báo cáo 6 tháng đầu năm, quý 4 được tổng hợp vào báo cáo năm.

Báo cáo quý I tính từ 20/12 năm trước đến 20/03 năm sau, gửi báo cáo trước ngày 25/3, báo cáo quý 3 tính từ 20/6 đến 20/9 và gửi báo cáo trước ngày 25/9.

e. Báo cáo 6 tháng đầu năm: được tính từ 20 tháng 12 năm trước đến 20 tháng 5 năm sau và dự kiến kết quả đến 20/6 của năm, gửi báo cáo trước ngày 25/5.

f. Báo cáo năm: được tính từ 20/12 năm trước đến 20/11 năm sau và dự kiến kết quả đến 20/12 của năm để tổng hợp vào kết quả cả năm, báo cáo trước ngày 25/11.

g. Báo cáo chuyên đề do cấp thẩm quyền quy định thời gian báo cáo.

## 2. Phương pháp báo cáo:

a. Báo cáo phải gửi đến người Chỉ huy và cơ quan Quân sự cấp trên bằng biện pháp, phương tiện nhanh nhất.

b. Báo cáo gửi lên Bộ Quốc phòng qua cơ quan thường trực Cục DQTV.

c. Chế độ báo cáo thường xuyên: được thực hiện trình tự từ cấp dưới lên cấp trên theo quy định tại điều 9 và điều 11 của quy chế này.

- Báo cáo hàng ngày, tuần do Thủ trưởng đơn vị, cơ quan, tổ chức trực tiếp ký và phân công cho cán bộ, cơ quan chuyên trách theo dõi, tổng hợp.

- Báo cáo thường xuyên hàng tháng, quý, 6 tháng và báo cáo năm được thể hiện bằng văn bản, do Thủ trưởng, người đứng đầu các Sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương ký chịu trách nhiệm.

d. Báo cáo phải theo trình tự từ cấp dưới lên cấp trên, khi có yêu cầu hoặc quy định của cấp trên thì thực hiện báo cáo vượt cấp.

e. Báo cáo đột xuất: kết hợp báo cáo bằng văn bản và báo cáo trực tiếp hoặc qua phương tiện thông tin liên lạc.

f. Báo cáo thường xuyên, báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề có thể được thực hiện báo cáo vượt 2 cấp hoặc nhiều cấp theo yêu cầu của Thủ



trưởng cấp trên, người đứng đầu cơ quan, tổ chức. Khi báo cáo vượt cấp thì ngay sau đó người Chỉ huy hoặc cơ quan được chỉ định báo cáo phải báo cáo cho người Chỉ huy và cơ quan Quân sự cấp trên trực tiếp biết.

## **CHƯƠNG IV**

### **CHẾ ĐỘ KIỂM TRA CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG, DQTV, GDQP**

#### **Điều 12. Chế độ kiểm tra**

1. Cơ quan Quân sự các cấp có trách nhiệm giúp UBND cùng cấp xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra hàng năm và từng thời kỳ, đồng thời chịu trách nhiệm trước UBND cấp mình và cơ quan Quân sự cấp trên về chỉ đạo, thực hiện công tác kiểm tra việc thực hiện công tác quốc phòng, quân sự của các cơ quan tổ chức, địa phương thuộc quyền.

2. Chế độ kiểm tra gồm:

- a. Kiểm tra thường xuyên hàng tháng, quý, 6 tháng và năm.
- b. Kiểm tra đột xuất thực hiện yêu cầu nhiệm vụ đột xuất của người đứng đầu cơ quan nghiệp vụ cấp trên.

#### **Điều 13. Đối tượng kiểm tra.**

1. UBND xã và Xã đội, các Phân đội Dân quân và cán bộ, chiến sỹ dân quân của xã.

2. UBND huyện, thị, Ban CHQS huyện, thị, các đơn vị thuộc Huyện đội, Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện, thị, Ban Chỉ huy Quân sự các cơ quan, tổ chức, các Trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện, thị.

3. Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BCH.QS tỉnh, Trường Chính trị tỉnh, Ban Chỉ huy Quân sự các Sở, ngành, cơ quan tổ chức của tỉnh, các Trường Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp, Dạy nghề, các Trường Trung học phổ thông của tỉnh.

4. BCH Bộ đội Biên phòng, các đơn vị thuộc BCH Bộ đội Biên phòng.

#### **Điều 14. Nội dung kiểm tra**

1. Việc ban hành các văn bản, hướng dẫn và thông tin tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về công tác quốc phòng, quân sự, DQTV, GDQP.

2. Kết quả chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác GDQP cho cán bộ, công chức và nhân dân thuộc quản lý của Sở, ngành, cơ quan, tổ chức và địa phương, việc phối hợp với Bộ BCHQS tỉnh và các cơ quan, đơn vị quân đội

thực hiện GDQP, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho cán bộ công chức theo quy định của pháp luật.

3. Việc kết hợp giữa phát triển kinh tế xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng an-ninh của Sở, ngành, cơ quan tổ chức, địa phương, xây dựng kế hoạch và thực hiện nhiệm vụ động viên, tuyển chọn gọi công nhân nhập ngũ đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc.

4. Xây dựng khu vực phòng thủ góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện.

5. Xây dựng huấn luyện, diễn tập và chỉ đạo hoạt động sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang địa phương (bộ đội địa phương, DQTV và lực lượng DBĐV).

6. Việc thực hiện chế độ giao ban, thông báo tình hình, báo cáo, kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng quân sự và công tác DQTV, GDQP.

7. Bảo đảm ngân sách cho công tác quân sự, quốc phòng, DQTV, GDQP và thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

#### **Điều 15. Phạm vi tổ chức kiểm tra**

1. Chủ tịch UBND các cấp chỉ đạo tổ chức kiểm tra công tác quốc phòng địa phương đối với các cơ quan, tổ chức và các đơn vị lực lượng vũ trang địa phương thuộc phạm vi quản lý nhà nước.

2. Việc tổ chức kiểm tra đột xuất hoặc kiểm tra theo từng chuyên ngành, chuyên đề của cơ quan Quân sự các cấp và Ban chỉ huy quân sự các cơ quan, tổ chức do từng cơ quan đơn vị xác định cơ cấu, thành phần nội dung, thẩm quyền kiểm tra theo phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của từng cấp, từng ngành, lĩnh vực và phải được Thủ trưởng hoặc người đứng đầu hoặc người Chỉ huy cấp trên trực tiếp phê duyệt kế hoạch kiểm tra.

#### **Điều 16. Tổ chức, cơ cấu thành phần đoàn kiểm tra của các cấp**

Việc tổ chức thành lập Đoàn kiểm tra và cơ quan giúp việc cho Đoàn kiểm tra công tác quốc phòng, công tác DQTV, GDQP của cấp nào do người đứng đầu cấp đó ra quyết định thành lập.

1. Đoàn kiểm tra cấp tỉnh.

a. Tổ chức thành đoàn kiểm tra, do Chủ tịch UBND tỉnh ra Quyết định thành lập.

b. Cơ cấu thành phần gồm:

- Lãnh đạo UBND tỉnh làm Trưởng đoàn.
- Chỉ huy trưởng Bộ CHQS tỉnh làm Phó Trưởng đoàn.

- Lãnh đạo các Sở, ban ngành có liên quan thuộc tỉnh, Thủ trưởng phòng Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Kỹ thuật thuộc Bộ CHQS tỉnh, Trưởng ban DQTV và đại diện các cơ quan của Bộ CHQS tỉnh.

c. Số lượng đoàn kiểm tra do Trưởng đoàn quyết định gồm : Trưởng đoàn, các Phó Trưởng đoàn, các uỷ viên và Thư ký.

### 2. Đoàn kiểm tra cấp huyện, thị.

a. Tổ chức thành đoàn kiểm tra, do Chủ tịch UBND huyện, thị ra quyết định thành lập.

b. Cơ cấu thành phần gồm :

- Lãnh đạo UBND huyện, thị làm Trưởng đoàn.
- Chỉ huy trưởng Ban CHQS huyện, thị làm Phó Trưởng đoàn.
- Lãnh đạo các phòng, ban liên quan, của huyện, thị; đại diện Ban Tham mưu, Chính trị, Hậu cần, Kỹ thuật và trợ lý DQTV thuộc Ban CHQS huyện, thị.

c. Số lượng đoàn kiểm tra do Trưởng đoàn quyết định gồm : Trưởng đoàn, phó trưởng đoàn các Ủy viên và Thư ký.

### 3. Đoàn kiểm tra cấp xã.

a. Tổ chức thành đoàn kiểm tra, do Chủ tịch UBND cấp xã ra quyết định thành lập.

b. Cơ cấu thành phần gồm :

- Lãnh đạo UBND xã làm Trưởng đoàn.
- Xã đội trưởng làm Phó Trưởng đoàn.
- Đại diện một số ngành, đoàn thể của xã.

c. Số lượng đoàn kiểm tra từ 5-9 đồng chí gồm : Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn, các Ủy viên và Thư ký.

## **Điều 17. Nhiệm vụ, nguyên tắc của Đoàn kiểm tra.**

### 1. Nhiệm vụ của Đoàn kiểm tra :

a. Chuẩn bị kế hoạch kiểm tra, các nội dung và công tác bảo đảm cho kiểm tra; thông báo kế hoạch, chương trình cho đối tượng kiểm tra.



b. Yêu cầu Thủ trưởng đơn vị, người đứng đầu Sở, ngành, cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng kiểm tra báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác quốc phòng, DQTV, GDQP theo kế hoạch kiểm tra.

c. Chất vấn các đối tượng được kiểm tra và thực hiện kiểm tra các nội dung về công tác quốc phòng, DQTV, GDQP theo chương trình và kế hoạch kiểm tra.

d. Xử lý những vấn đề vướng mắc nảy sinh trong quá trình kiểm tra theo thẩm quyền kiểm tra.

e. Đánh giá các nội dung đã kiểm tra, tổng hợp nhận xét, kết luận và kiến nghị những biện pháp khắc phục tồn tại, thiếu sót với đối tượng kiểm tra.

f. Tổng hợp báo cáo kết quả kiểm tra với Thủ trưởng đơn vị, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, địa phương ra Quyết định kiểm tra và thông báo cho đối tượng kiểm tra.

## *2. Nguyên tắc làm việc của Đoàn kiểm tra.*

a. Dân chủ công khai, đúng quy định với các văn bản pháp lý, không gây cản trở đến hoạt động của các đối tượng được kiểm tra. Đề cao trách nhiệm của từng thành viên của đoàn kiểm tra. Biên bản kết luận rõ ràng, phản ánh trung thực, khách quan ý kiến của các thành viên trong đoàn.

b. Kiểm tra phải được tiến hành thường xuyên, có kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê chuẩn. Các trường hợp kiểm tra đột xuất phải có ý kiến của cấp thẩm quyền.

## **Điều 18. Phương pháp, trình tự làm việc của Đoàn kiểm tra**

### *1. Công tác chuẩn bị kiểm tra.*

a. Xây dựng Chỉ thị, kế hoạch, nội dung, phương pháp kiểm tra, quy tắc kiểm tra và các văn bản liên quan đến công tác kiểm tra.

b. Quán triệt Chỉ thị, kế hoạch, nội dung, phương pháp, quy chế, quy tắc và nhiệm vụ kiểm tra cho các thành viên của đoàn kiểm tra.

c. Thông báo kế hoạch kiểm tra cho đối tượng kiểm tra.

### *2. Thực hành kiểm tra.*

a. Phổ biến Chỉ thị, kế hoạch kiểm tra cho các đối tượng được kiểm tra.

b. Thủ trưởng đơn vị, cơ quan, tổ chức địa phương được kiểm tra báo cáo các nội dung kiểm tra với đoàn kiểm tra.

c. Thực hành kiểm tra từng nội dung theo kế hoạch kiểm tra đã được phê chuẩn.

*3. Tổng hợp đánh giá kết quả kiểm tra:*

a. Tổng hợp đánh giá kết quả mạnh, yếu, chấm điểm từng nội dung được kiểm tra và tổng hợp đánh giá kết quả chung.

b. Trưởng đoàn nhận xét, kết luận chỉ đạo hoặc kiến nghị các biện pháp khắc phục thiếu sót, khuyết điểm để nâng cao chất lượng công tác quốc phòng DQTV, GDQP.

c. Hoàn thiện văn bản kết luận kiểm tra, thông báo kết quả kiểm tra cho đơn vị, cơ quan, tổ chức được kiểm tra và báo cáo lên cấp trên theo quy định.

*4. Phương pháp tính thành tích:*

a. Đánh giá thành tích bằng chấm điểm theo từng nội dung kiểm tra và được tính theo thang điểm 10, lấy thành tích đến 2 số thập phân. Từng nội dung có thể phân ra từng việc cụ thể để chấm điểm, đánh giá.

b. Thành tích chung là điểm trung bình cộng của các nội dung được kiểm tra.

c. Cách tính thành tích:

- Xuất sắc: từ 9 điểm trở lên.
- Giỏi: từ 8 điểm đến cận 9 điểm.
- Khá: từ 6,6 đến cận 8 điểm.
- Đạt yêu cầu: từ 5 điểm đến cận 6,6 điểm.
- Yếu (không đạt): dưới 5 điểm

**Điều 19. Nhiệm vụ của đối tượng được kiểm tra**

*1. Quán triệt Chỉ thị, kế hoạch kiểm tra.*

*2. Phổ biến cho cơ quan, các đơn vị cấp dưới thuộc quyền.*

*3. Tiến hành mọi công tác chuẩn bị cho kiểm tra, chuẩn bị đầy đủ báo cáo các loại văn bản, tài liệu, chuẩn bị lực lượng theo yêu cầu của công tác kiểm tra. Chuẩn bị các mặt bảo đảm phục vụ cho công tác kiểm tra theo quy định.*

*4. Thực hiện các nội dung kiểm tra theo kế hoạch của Đoàn kiểm tra.*

5. Tổ chức rút kinh nghiệm, xác định các biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót, khuyết điểm và báo cáo cấp trên.

**Điều 20. Thời điểm kiểm tra.**

1. Kiểm tra thực hiện công tác 6 tháng đầu năm: vào trước tháng 7 hàng năm.

2. Kiểm tra thực hiện công tác năm: vào trước tháng 12 hàng năm.

3. Khi kiểm tra đột xuất.

a. Đối với các Sở, ngành, cơ quan, tổ chức và các địa phương sẽ thông báo trước từ 5 – 7 ngày.

b. Đối với cơ quan Quân sự các cấp thông báo trước từ 1-2 ngày.

**CHƯƠNG V**

**CHẾ ĐỘ SƠ KẾT, TỔNG KẾT CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG, DQTV, GDQP**

**Điều 21. Quy định chế độ sơ kết, tổng kết.**

1. Sơ kết, tổng kết được tiến hành ở các cấp do Thủ trưởng đơn vị người đứng đầu cơ quan, tổ chức và các địa phương thực hiện.

2. Chủ tịch UBND các cấp tổ chức sơ kết 6 tháng đầu năm và tổ chức sơ kết, tổng kết năm.

3. Việc tổ chức tổng kết từng mặt công tác theo các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước, Bộ Quốc phòng trong từng thời kỳ thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Quốc phòng hoặc Chính phủ.

**Điều 22. Nội dung sơ kết, tổng kết.**

1. Đánh giá tình hình liên quan đến công tác quốc phòng DQTV, GDQP.

2. Đánh giá ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân khách quan, chủ quan, rút ra bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quốc phòng DQTV, GDQP.

3. Phương hướng, nội dung biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quốc phòng DQTV, GDQP trong thời gian tới.

4. Đề xuất các chủ trương, biện pháp tiếp theo và các chính sách cụ thể thực hiện công tác quốc phòng DQTV, GDQP.

**Điều 23. Thời gian và phương pháp.**

1. Thời gian:

a. Sơ kết 6 tháng đầu năm công tác quốc phòng, quân sự, công tác DQTV, GDQP thời gian là ½ ngày đến một ngày, từ ngày 15/6 đến ngày 15/7; thời gian tổng kết hàng năm là một ngày, từ ngày 15/11 đến trước ngày 30/12;



trường hợp tiến hành sớm hoặc muộn hơn phải báo cáo người Chỉ huy cơ quan Quân sự cấp trên trực tiếp.

Căn cứ điều kiện cụ thể, các Sở, ngành, cơ quan tổ chức và các địa phương có thể kết hợp giao ban quý 2 với sơ kết 6 tháng đầu năm, giao ban quý 4 kết hợp với tổng kết năm về công tác quốc phòng DQTV, GDQP.

b. Sơ kết, tổng kết từng mặt công tác quân sự, quốc phòng theo các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Nhà nước và Bộ Quốc phòng theo quy định của Chính phủ hoặc Bộ quốc phòng.

### 2. Phương pháp:

Tổ chức hội nghị cán bộ để tiến hành sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng, quân sự, công tác DQTV, GDQP theo từng cấp (đối với cấp xã có thể kết hợp với sơ kết, tổng kết hàng năm của UBND xã).

## CHƯƠNG VI ĐẢM BẢO KINH PHÍ

**Điều 24.** Kinh phí bảo đảm cho giao ban, báo cáo, sơ kết, tổng kết công tác quốc phòng DQTV, GDQP của các Sở, ngành và các địa phương do ngân sách Sở, ngành, địa phương bảo đảm theo quy định tại khoản 14 điều 29, khoản 8 điều 30 Nghị định số: 184/2004/NĐ-CP ngày 02/11/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh DQTV; điều 16, 17 Nghị định số: 119/2004/ND-CP ngày 11/05/2004 của Chính phủ về công tác quốc phòng ở các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Cán Hưng*